

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG
CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11 - 12 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 13 – 42 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-CT.UB ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc chuyển Công ty Mía đường Cần Thơ thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800283278, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- Điện thoại: 02933 867 359
- Fax: 02933 867 359
- Tên viết tắt: CASUCO
- Mã số thuế: 1800283278

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Trần Ngọc Hiếu | Chủ tịch |
| Ông Phạm Quang Vinh | Thành viên |
| Ông Trần Vĩnh Chung | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|----------------|
| Bà Phạm Thị Mai Loan | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Trường Chinh | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Hồng Liễu | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|-------------------|
| Ông Trần Vĩnh Chung | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Quang Vinh | Phó Tổng Giám đốc |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm hiện tại là:

Họ và tên

Ông Trần Ngọc Hiếu

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



TRẦN VINH CHUNG

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

11/11/2023
HAI THAI



Số: 048/2023/BCKT-CT.00564

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 10 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.19 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ đã được thông qua ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã sử dụng Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 420) với số tiền là 18.536.055.019 VND để xử lý các khoản tồn đọng từ các năm tài chính (trước năm 2018) như sau:

| | VND |
|--|-----------------------|
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng hết hạn sử dụng và kém phẩm chất: | 6.401.622.806 |
| Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 12.134.432.213 |
| | 18.536.055.019 |

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ được hạch toán tương ứng vào chi phí thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nó sẽ làm ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ) với số tiền là 18.536.055.019 VND. Còn khi sử dụng Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sẽ tương ứng giảm giá trị hàng tồn kho, giảm số dư công nợ phải thu khách hàng. Do đó, việc Công ty đang ghi nhận hiện tại sẽ làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sau của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023:

| Khoản mục | VND |
|--|----------------|
| Phải thu ngắn hạn khách hàng (Mã số 131) giảm: | 12.134.432.213 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137) giảm: | 12.134.432.213 |
| Hàng tồn kho (Mã số 141) giảm: | 6.401.622.806 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149) giảm: | 6.401.622.806 |

Ngoài ra, Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư các khoản nợ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

| Khoản mục | VND |
|---|---------------|
| Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136) | 4.301.000.000 |
| Phải trả cho người bán ngắn hạn (mã số 311) | 441.743.852 |
| Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319) | 7.418.268.353 |

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Quyền sử dụng đất là tài sản cố định vô hình mang tên cá nhân chưa được chuyển nhượng sang tên cho Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ với số tiền là 13.988.133.240 VND.

Như đã nêu tại mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó Công ty đã dừng hoạt động của Nhà máy đường Vị Thanh từ ngày 29 tháng 06 năm 2019 do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Việc đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại phụ thuộc vào việc phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa thể đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 18 tháng 10 năm 2023

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2023-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/07/2022 |
|--|------------|----------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 116.049.367.163 | 160.746.708.336 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 78.803.129.786 | 16.232.059.190 |
| Tiền | 111 | | 711.246.737 | 16.232.059.190 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 78.091.883.049 | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.751.925.172 | 41.631.486.723 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 2.349.783.387 | 2.560.565.993 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 14.392.440.666 | 26.596.031.666 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5.1 | 70.042.330.201 | 73.841.968.112 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (79.072.424.513) | (65.784.512.710) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 5.7 | 39.795.431 | 4.417.433.662 |
| Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 26.146.192.243 | 99.535.042.461 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 36.018.854.642 | 99.535.042.461 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (9.872.662.399) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.348.119.962 | 3.348.119.962 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 3.348.119.962 | 3.348.119.962 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/07/2022 |
|---|------------|----------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 131.632.379.625 | 143.839.469.982 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 170.400.000 | 170.400.000 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5.2 | 170.400.000 | 170.400.000 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 93.600.879.021 | 104.876.246.126 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.10 | 66.160.467.401 | 76.101.782.737 |
| Nguyên giá | 222 | | 894.007.538.060 | 889.458.821.667 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (827.847.070.659) | (813.357.038.930) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.11 | 27.440.411.620 | 28.774.463.389 |
| Nguyên giá | 228 | | 73.768.589.802 | 73.768.589.802 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (46.328.178.182) | (44.994.126.413) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 6.116.793.207 | 6.573.934.770 |
| Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.12 | 6.116.793.207 | 6.573.934.770 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.2 | 31.375.000.000 | 31.375.000.000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | 78.423.230.000 | 78.423.230.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 31.173.000.000 | 31.173.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 202.000.000 | 202.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (78.423.230.000) | (78.423.230.000) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 369.307.397 | 843.889.086 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 323.515.489 | 798.097.178 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 45.791.908 | 45.791.908 |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 247.681.746.788 | 304.586.178.318 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/07/2022 |
|--|------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | | | | |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 43.882.610.505 | 52.153.140.328 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 1.118.380.804 | 1.561.992.022 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 17.629.164.745 | 21.818.498.295 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 3.157.277.689 | 4.612.072.970 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 426.173.106 | 2.264.384.075 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 46.040.000 | 644.510.001 |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17.1 | 20.829.829.028 | 20.575.937.832 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.18 | 675.745.133 | 675.745.133 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.17.2 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

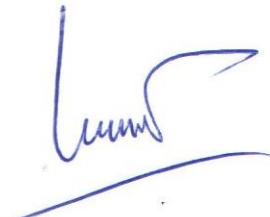
Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023


Đơn vị tính: VND

| | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2023 | 01/07/2022 |
|--|------------|----------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.19 | 203.499.136.283 | 252.133.037.990 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 130.805.470.000 | 130.805.470.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 130.441.670.000 | 130.441.670.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | 363.800.000 | 363.800.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (10.242.700.000) | (10.209.100.000) |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 108.956.063.211 | 135.711.274.992 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (26.019.696.928) | (4.174.607.002) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | (2.223.691.515) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (26.019.696.928) | (1.950.915.487) |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 247.681.746.788 | 304.586.178.318 |


NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
 Người lập biểu


LÊ THỊ KIM PHÍ
 Kế toán trưởng




TRẦN VINH CHUNG
 Tổng Giám đốc
 Hậu Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 98.670.400.498 | 86.103.123.395 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 98.670.400.498 | 86.103.123.395 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 116.803.666.610 | 78.722.081.776 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | (18.133.266.112) | 7.381.041.619 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 3.126.920.516 | 811.962.963 |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | - | 722.947.880 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 204.400.807 | 187.818.390 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 8.784.518.499 | 7.239.865.476 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (23.995.264.902) | 42.372.836 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 183.353.892 | 194.053.888 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 2.207.785.918 | 2.187.342.211 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (2.024.432.026) | (1.993.288.323) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (26.019.696.928) | (1.950.915.487) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.15 | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (26.019.696.928) | (1.950.915.487) |

NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng



TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (26.019.696.928) | (1.950.915.487) |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 15.824.083.498 | 16.015.245.569 |
| Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) | 03 | | 4.624.519.183 | - |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (2.510.219.712) | (811.962.963) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (8.081.313.959) | 13.252.367.119 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 16.647.566.143 | (6.296.306.875) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 63.516.187.819 | (58.553.359.706) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (8.249.529.923) | 7.639.194.710 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 474.581.689 | 243.401.892 |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (1.183.828.288) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 50.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | - | (480.800.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 64.307.491.769 | (45.329.331.148) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (4.091.574.830) | (69.122.563) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | | - | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 2.409.753.557 | 811.962.963 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.681.821.273) | 742.840.400 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | (33.600.000) | (8.600.000) |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (20.999.900) | (6.246.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (54.599.900) | (14.846.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 62.571.070.596 | (44.601.336.748) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 16.232.059.190 | 60.833.395.938 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5.1 | 78.803.129.786 | 16.232.059.190 |


NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu


LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng




TRẦN VĨNH CHUNG
Tổng Giám đốc
Hậu Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thực hiện Nghị quyết cuộc họp Hội Đồng Quản Trị số 32/NQ-HĐQT-MĐ ngày 18/06/2019, Công ty đã tạm dừng hoạt động Nhà máy đường Vị Thanh do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Nguồn nguyên liệu trong vùng và các tỉnh lân cận không đáp ứng đủ cho Nhà máy đường Phụng Hiệp và Nhà máy đường Vị Thanh cùng hoạt động sản xuất Công ty có kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu tại Thành phố Vị Thanh và tỉnh Kiên Giang bằng nhiều chính sách đầu tư bằng tiền, bằng phân bón,... để phát triển nguyên liệu cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Nhà máy đường Vị Thanh vẫn chưa thể hoạt động trở lại. Ban Tổng Giám đốc Công ty dự tính, khi vùng nguyên liệu phát triển, đủ đáp ứng cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động, Công ty sẽ đưa Nhà máy đường Vị Thanh vào hoạt động trở lại.

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty con

| Tên Công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
|-----------------------------------|---|---------------|------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam | Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau | 98,03% | 98,03% | 98,03% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Các Công ty liên doanh, liên kết

| Tên Công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ phần sở hữu |
|-------------------------------------|---|---------------|------------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng | Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 38,78% | 38,78% | 38,78% |

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

| Tên | Địa chỉ |
|----------------------------|--|
| - Nhà máy đường Phụng Hiệp | Số 10 đường 1/5, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang |
| - Xí nghiệp Đường Vị Thanh | Số 1284 đường Trần Hưng Đạo, khu vực 5, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang |

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 112 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 134 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường có liên quan.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| | Thời gian (năm) |
|---------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 |
| Máy móc thiết bị | 06 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |
| Tài sản cố định khác | 04 - 25 |

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.15 Quỹ tiền lương

Trong năm, Công ty đã trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông từng năm.

448
CỔ
ĐÔNG
KIỂM
SỐ
CỔ
ĐÔNG
C
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng

Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
Công ty TNHH Kim Hà Việt
Trần Lệ Thanh
Nguyễn Thị Hồng Phước
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh

Quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Có Cổ đông lớn là thành viên quản lý chủ chốt tại Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thành viên quản lý chủ chốt

002
TỈNH HẬU GIANG
T. NA
ÁNH
HO
TR. C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ - VND | 57.348.186 | 51.401.089 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn VND | 653.898.551 | 16.180.658.101 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 78.091.883.049 | - |
| | 78.803.129.786 | 16.232.059.190 |

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

| | Kỳ hạn (tháng) | Lãi suất (%/năm) | 30/06/2023 VND |
|-----------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Vietinbank | 1 tháng | 4,30% - 5,0% | 32.000.000.000 |
| Ngân hàng Vietcombank | 1 tháng | 4,30% | 16.925.000.000 |
| Ngân hàng Sacombank | 1 tháng | 4,75% - 5,0% | 22.850.883.049 |
| Ngân hàng BIDV | 1 tháng | 4,30% | 6.316.000.000 |
| | | | 78.091.883.049 |

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào công ty con | | | | |
| Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam (*) (**) | 78.423.230.000 | (78.423.230.000) | 78.423.230.000 | (78.423.230.000) |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng (*) | 31.173.000.000 | - | 31.173.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | |
| Tổng Công ty Mía đường số 1 (*) | 202.000.000 | - | 202.000.000 | - |
| | 109.798.230.000 | (78.423.230.000) | 109.798.230.000 | (78.423.230.000) |

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT-MĐ ngày 29/12/2020, Công ty đưa ra Quyết định giải thể Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty đang hoàn thiện thủ tục giải thể Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu là các bên liên quan | | |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | 665.475.000 | 909.755.000 |
| Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam | 132.500.000 | 132.500.000 |
| Công ty Cổ phần Mía Đường Trà Vinh | - | 59.557.300 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Cơ Sở Sản Xuất Nước Đá Phạm Văn Khiêm | 746.555.549 | 746.555.549 |
| Các khách hàng khác | 805.252.838 | 712.198.144 |
| | 2.349.783.387 | 2.560.565.993 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động C.A.T.E.C | 735.119.000 | 758.769.000 |
| Khoản nợ đầu tư tại Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp Mekong | 9.087.322.840 | 9.087.322.840 |
| Công ty Cổ phần Tư Vấn, Thiết Bị và Công Nghệ Ánh Dương | 478.500.000 | 478.500.000 |
| Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp M&T | 676.722.970 | 676.722.970 |
| Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh Quý Long | 1.049.813.054 | 1.049.813.054 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.364.962.802 | 14.544.903.802 |
| | 14.392.440.666 | 26.596.031.666 |

5.5 Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

| | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu khác là các bên liên quan | | | | |
| Công ty Cổ Phần Mía | - | - | 3.866.112.370 | - |
| Đường Sóc Trăng | | | | |
| Công ty Cổ Phần Mía | 30.515.636.476 | (30.515.636.476) | 30.515.636.476 | (30.059.402.962) |
| Đường Tây Nam (*) | | | | |
| Công ty Cổ Phần Mía | - | - | 4.899.375 | - |
| Đường Trà Vinh | | | | |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| Tạm ứng | 1.398.897.145 | (1.192.136.140) | 1.413.897.145 | - |
| Ký cược ký quỹ | 84.928.500 | - | 84.928.500 | - |
| Đỗ Văn Tinh | 4.301.000.000 | - | 4.301.000.000 | - |
| Đoàn Phước Minh | 8.200.258.911 | (8.200.258.911) | 8.200.258.911 | (8.136.561.336) |
| Công ty TNHH Thương mại Thực Phẩm Hồng Yến | 3.060.900.000 | (3.060.900.000) | 3.060.900.000 | (3.060.900.000) |
| Cơ Sở - Vi Thị Kim Mai | 4.084.170.000 | (4.084.170.000) | 4.084.170.000 | (4.084.170.000) |
| Cơ Sở Huỳnh Hắc | 3.700.165.000 | (3.700.165.000) | 3.700.165.000 | (3.700.165.000) |
| Cơ Sở - Nguyễn Thanh Xuân | 3.464.380.350 | (3.464.380.350) | 3.464.380.350 | (3.464.380.350) |
| Cơ Sở - Hồng Tú Loan | 2.012.850.000 | (2.012.850.000) | 2.012.850.000 | (2.012.850.000) |
| Các đối tượng khác | 9.219.143.819 | (9.058.015.373) | 9.132.769.985 | (9.031.671.923) |
| | 70.042.330.201 | (65.288.512.250) | 73.841.968.112 | (63.550.101.571) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam là khoản nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm nợ phải thu số 13/2016/DATC-CASUCO ngày 02/03/2016. Theo hợp đồng, Công ty mua 3.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam do DATC nắm giữ và khoản nợ của DATC phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam có giá trị 81.773.357.510 VND với tổng số tiền là 80 tỷ đồng. Tại thời điểm mua, Công ty ghi nhận toàn bộ 81.773.357.510 VND phải thu Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam, đồng thời ghi nhận khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản phải thu và số tiền Công ty bỏ ra để mua khoản nợ phải thu từ DATC là khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

| | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|---|--------------------|--------------|--------------------|--------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| Ký cược kỳ quỹ | 170.400.000 | - | 170.400.000 | - |
| | 170.400.000 | - | 170.400.000 | - |

5.6 Nợ xấu

| | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|--|-----------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp Mekong | 9.087.322.840 | - | 9.113.122.840 | 7.868.271.840 |
| Công Ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam | 30.515.636.476 | - | 30.515.636.476 | 456.233.514 |
| Đoàn Phước Minh | 8.200.258.911 | - | 8.200.258.911 | 63.697.575 |
| Cơ sở Vi Thị Kim Hai | 4.084.170.000 | - | 4.084.170.000 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Thực Phẩm Hồng Yến | 3.060.900.000 | - | 3.060.900.000 | - |
| Cơ sở Huỳnh Hắc | 3.700.165.000 | - | 3.700.165.000 | - |
| Cơ sở Nguyễn Thanh Xuân | 3.464.380.350 | - | 3.464.380.350 | - |
| Cơ sở Hồng Tú Loan | 2.012.850.000 | - | 2.012.850.000 | - |
| Các đối tượng khác | 15.311.540.936 | 364.800.000 | 10.352.556.609 | 331.324.547 |
| | 79.437.224.513 | 364.800.000 | 74.504.040.186 | 8.719.527.476 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu ngắn hạn | Trả trước cho người bán | Cộng |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Vào ngày 01/07/2022 | (63.834.265.095) | (1.950.247.615) | (65.784.512.710) |
| Trích dự phòng bổ sung trong năm (*) | (2.586.697.302) | (10.739.871.051) | (13.326.568.353) |
| Hoàn nhập trong năm | 38.656.550 | - | 38.656.550 |
| Vào ngày 30/06/2023 | (66.382.305.847) | (12.690.118.666) | (79.072.424.513) |

(*) Trong đó, Công ty đã trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 12.134.432.213 VND bằng Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

| | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|---|-------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các tổ chức, cá nhân khác | | | | |
| Hao hụt trong kiểm kê | 39.795.431 | - | 4.417.433.662 | - |
| | 39.795.431 | - | 4.417.433.662 | - |

5.8 Hàng tồn kho

| | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu (*) | 18.776.196.252 | (7.347.786.177) | 17.219.235.545 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 110.728.500 | - | 111.782.334 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 4.748.221.800 | - | 4.865.092.309 | - |
| Thành phẩm | 12.370.600.769 | (2.524.876.222) | 77.325.824.952 | - |
| Hàng hóa | 13.107.321 | - | 13.107.321 | - |
| | 36.018.854.642 | (9.872.662.399) | 99.535.042.461 | - |

(*) Trong đó, Dự phòng hàng tồn kho là nguyên liệu, vật liệu với số tiền là 6.401.622.806 VND được trích lập bằng Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được thông qua.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 323.515.489 | 798.097.178 |
| | 323.515.489 | 798.097.178 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|--|---------------------------|----------------------|------------------------|---------------------------------|---------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 185.360.062.928 | 671.414.120.882 | 20.543.648.372 | 3.507.003.869 | 8.633.985.616 | 889.458.821.667 |
| Mua sắm trong năm | - | 4.548.716.393 | - | - | - | 4.548.716.393 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 185.360.062.928 | 675.962.837.275 | 20.543.648.372 | 3.507.003.869 | 8.633.985.616 | 894.007.538.060 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 166.492.409.755 | 616.811.438.704 | 18.174.807.596 | 3.244.397.259 | 8.633.985.616 | 813.357.038.930 |
| Khấu hao trong năm | 2.016.398.917 | 11.721.467.766 | 687.898.802 | 64.266.244 | - | 14.490.031.729 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 168.508.808.672 | 628.532.906.470 | 18.862.706.398 | 3.308.663.503 | 8.633.985.616 | 827.847.070.659 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 18.867.653.173 | 54.602.682.178 | 2.368.840.776 | 262.606.610 | - | 76.101.782.737 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 16.851.254.256 | 47.429.930.805 | 1.680.941.974 | 198.340.366 | - | 66.160.467.401 |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 124.050.127.478 | 384.043.250.097 | 10.908.582.370 | 2.781.567.819 | 8.633.985.616 | 530.417.513.380 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 134.785.866.186 | 384.691.371.787 | 12.477.222.370 | 2.895.067.819 | 8.633.985.616 | 543.483.513.778 |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay.

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 9.266.367.456 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định tại nhà máy đường Vị Thanh tạm ngưng sử dụng: 4.888.189.843 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 66.292.005.607 | 1.075.835.135 | 6.400.749.060 | 73.768.589.802 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 66.292.005.607 | 1.075.835.135 | 6.400.749.060 | 73.768.589.802 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 37.555.876.618 | 1.037.500.735 | 6.400.749.060 | 44.994.126.413 |
| Khấu hao trong năm | 1.305.300.969 | 28.750.800 | - | 1.334.051.769 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 38.861.177.587 | 1.066.251.535 | 6.400.749.060 | 46.328.178.182 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Vào ngày 01/07/2022 | 28.736.128.989 | 38.334.400 | - | 28.774.463.389 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 27.430.828.020 | 9.583.600 | - | 27.440.411.620 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

| | | | | |
|-------------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Vào ngày 01/07/2022 | 22.979.380.011 | - | 6.400.749.060 | 29.380.129.071 |
| Vào ngày 30/06/2023 (*) | 23.257.453.610 | 874.579.535 | 6.400.749.060 | 30.532.782.205 |

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 7.109.490.526 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Công ty tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Nguyên giá Quyền sử dụng đất mang tên cá nhân chưa được chuyển nhượng sang tên Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ là: 13.988.133.240 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 01/07/2022 | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Giảm khác | 30/06/2023 |
|--|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Mua sắm tài sản cố định | | | | | |
| Hệ thống xử lý cấp nước | - | 4.548.716.393 | (4.548.716.393) | - | - |
| Xây dựng cơ bản | | | | | |
| Chi phí xây dựng cơ bản (*) | 1.103.009.091 | - | - | - | 1.103.009.091 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | | | | | |
| Chi phí sửa chữa vụ 2022-2023 | 457.141.563 | 3.577.928.511 | - | (4.035.070.074) | - |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công ty MekongCane | 1.795.000.000 | - | - | - | 1.795.000.000 |
| Máy li tâm liên tục dùng cho đường non | 1.823.089.082 | - | - | - | 1.823.089.082 |
| Chi phí sửa chữa lớn khác | 1.395.695.034 | - | - | - | 1.395.695.034 |
| | 6.573.934.770 | 8.126.644.904 | (4.548.716.393) | (4.035.070.074) | 6.116.793.207 |

(*) Chi tiết tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 như sau:

| | 30/06/2023 |
|---|----------------------|
| | VND |
| - Nhà kho | 254.545.455 |
| - Chế tạo, cung cấp lắp đặt hệ thống cân đóng bao | 788.100.000 |
| - Bản thiết kế văn phòng làm việc Vị Thanh | 60.363.636 |
| | 1.103.009.091 |

Các khoản mục đã tồn tại nhiều năm, Công ty đang rà soát để có hướng xử lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp là các bên liên quan</i> | | |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | - | 200.200.000 |
| Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam | 280.000.000 | 280.000.000 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty Cổ Phần Nổi Hơi Sài Gòn | - | 120.151.350 |
| Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đức Lộc Cường | 12.892.157 | 100.375.121 |
| Đài Phát Thanh Và Truyền Hình Tỉnh Hậu Giang | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 705.488.647 | 741.265.551 |
| | <u>1.118.380.804</u> | <u>1.561.992.022</u> |

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i> | | |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | 190.564.745 | 1.286.060.145 |
| Công Ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam | 64.800.000 | 64.800.000 |
| <i>Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác</i> | | |
| Ông Lê Hải Phú | 17.268.912.269 | 17.268.912.269 |
| Các khách hàng khác | 104.887.731 | 3.198.725.881 |
| | <u>17.629.164.745</u> | <u>21.818.498.295</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

| | 01/07/2022 | | Số phát sinh trong năm | | 30/06/2023 | |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| | Phải thu VND | Phải nộp VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Phải thu VND | Phải nộp VND |
| Thuế GTGT đầu ra | - | 4.587.030.273 | 3.870.191.314 | (5.326.262.085) | - | 3.130.959.502 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (3.348.119.962) | - | - | - | (3.348.119.962) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 25.042.697 | 72.128.374 | (70.852.884) | - | 26.318.187 |
| Thuế tài nguyên | - | - | 180.025.830 | (180.025.830) | - | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 353.461.961 | (353.461.961) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 9.089.948 | (9.089.948) | - | - |
| | (3.348.119.962) | 4.612.072.970 | 4.484.897.427 | (5.939.692.708) | (3.348.119.962) | 3.157.277.689 |

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (26.019.696.928) | (1.950.915.487) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.283.226.088 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | - | - |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Tổng thuế TNDN phải nộp | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|---|-------------------|--------------------|
| Chi phí phải trả cho các bên liên quan | | |
| Chi phí đi lại, phụ cấp của HĐQT, BKS | 46.040.000 | 114.852.447 |
| Chi phí phải trả khác | | |
| Tiền lương phải trả | - | 2.293.061 |
| Dự phòng hao hụt | - | 527.364.493 |
| | 46.040.000 | 644.510.001 |

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*) | 10.000.000.000 | 10.020.000.000 |
| Tài sản thừa chờ xử lý | 392.786.580 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 3.018.774.095 | 3.039.773.995 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 7.418.268.353 | 7.516.163.837 |
| | 20.829.829.028 | 20.575.937.832 |

(*) Khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn của Ông Lê Hải Phúc theo hợp đồng đặt cọc ngày 05/02/2020 phục vụ mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 19/08/2020, ông Lê Hải Phúc đã chuyển giao quyền thực hiện hợp đồng trên cho ông Lê Hải Phú theo biên bản làm việc giữa Công ty, ông Lê Hải Phúc và ông Lê Hải Phú.

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 300.000.000 | 300.000.000 |
| | 300.000.000 | 300.000.000 |

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 675.745.133 | 675.745.133 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Cổ phiếu Quỹ VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------|---|-------------------------|---|------------------------|
| Vào ngày 01/07/2021 | 130.805.470.000 | 135.711.274.992 | - | (10.200.500.000) | (2.223.691.515) | 254.092.553.477 |
| Lỗi trong năm | - | - | - | - | (1.950.915.487) | (1.950.915.487) |
| Phân phối các quỹ | - | - | - | (8.600.000) | - | (8.600.000) |
| Vào ngày 30/06/2022 | 130.805.470.000 | 135.711.274.992 | - | (10.209.100.000) | (4.174.607.002) | 252.133.037.990 |
| Vào ngày 01/07/2022 | 130.805.470.000 | 135.711.274.992 | - | (10.209.100.000) | (4.174.607.002) | 252.133.037.990 |
| Lỗi trong năm | - | - | - | - | (26.019.696.928) | (26.019.696.928) |
| Chi mua lại CP ưu đãi | - | - | - | (33.600.000) | - | (33.600.000) |
| Điều chuyển quỹ (*) | - | (26.755.211.781) | 26.755.211.781 | - | - | - |
| Sử dụng quỹ (*) | - | - | (26.755.211.781) | - | 4.174.607.002 | (22.580.604.779) |
| Vào ngày 30/06/2023 | 130.805.470.000 | 108.956.063.211 | - | (10.242.700.000) | (26.019.696.928) | 203.499.136.283 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã thông qua.

Công ty điều chuyển 26.755.211.781 VND từ Quỹ Đầu tư Phát triển sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu để xử lý các khoản sau:

| | |
|--|-----------------------|
| - Lỗi lũy kế đến 30/06/2022: | 4.174.607.002 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng hết hạn sử dụng và kém phẩm | 6.401.622.806 |
| - Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 12.134.432.213 |
| - Tài sản thiếu chờ xử lý | 3.889.208.895 |
| - Chi phí trồng mía giống ở Công ty MekongCane (do Công ty Mekong Cane đã giải thể): | 155.340.865 |
| | 26.755.211.781 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Cổ đông | 30/06/2023 | | 01/07/2022 | |
|--|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| | VND | Tỷ lệ | VND | Tỷ lệ |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | 25.244.550.000 | 19,30% | 25.244.550.000 | 19,30% |
| Công ty TNHH ADC | 5.173.000.000 | 3,95% | 5.173.000.000 | 3,95% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt | 10.151.120.000 | 7,76% | 10.151.120.000 | 7,76% |
| Trần Thị Thái | 15.335.360.000 | 11,72% | 15.335.360.000 | 11,72% |
| Trần Lệ Thanh | 19.500.000.000 | 14,91% | 19.500.000.000 | 14,91% |
| Nguyễn Thị Hồng Phước | 27.300.000.000 | 20,87% | 27.300.000.000 | 20,87% |
| Cổ phiếu quỹ | 3.746.500.000 | 2,86% | 3.712.900.000 | 2,84% |
| Cổ đông khác | 24.354.940.000 | 18,62% | 24.388.540.000 | 18,64% |
| | 130.805.470.000 | 100,00% | 130.805.470.000 | 100,00% |

5.19.3 Cổ phiếu

| | 30/06/2023 | 01/07/2022 |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.080.547 | 13.080.547 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 13.040.467 | 13.040.467 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 40.080 | 40.080 |
| | 13.080.547 | 13.080.547 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 360.900 | 360.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 13.750 | 10.390 |
| | 374.650 | 371.290 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.679.567 | 12.679.567 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 26.330 | 29.690 |
| | 12.705.897 | 12.709.257 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu hàng hóa, thành phẩm | 98.285.426.893 | 85.783.085.515 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 384.973.605 | 320.037.880 |
| | 98.670.400.498 | 86.103.123.395 |

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng | - | 58.677.700 |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | 4.331.932.692 | 11.901.849.763 |
| | 4.331.932.692 | 11.960.527.463 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn hàng bán | 113.332.627.017 | 78.722.081.776 |
| Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho | 3.471.039.593 | - |
| | 116.803.666.610 | 78.722.081.776 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay | 2.510.219.712 | 803.954.567 |
| Lãi chậm thanh toán | 616.700.804 | 8.008.396 |
| | 3.126.920.516 | 811.962.963 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|----------------|--------------------|
| Chi phí lãi ứng trước thanh toán | - | 722.947.880 |
| | - | 722.947.880 |

6.5 Chi phí bán hàng

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp | 171.700.882 | 183.838.390 |
| Chi phí bán hàng khác | 32.699.925 | 3.980.000 |
| | 204.400.807 | 187.818.390 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.882.644.239 | 1.984.536.162 |
| Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng | 73.286.116 | 50.616.165 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.753.063.510 | 1.842.429.198 |
| Chi phí dự phòng | 1.153.479.590 | - |
| Chi phí thuế, lệ phí | 142.061.763 | 23.934.947 |
| Chi phí quản lý khác | 3.779.983.281 | 3.338.349.004 |
| | 8.784.518.499 | 7.239.865.476 |

6.7 Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi chậm chi trả cổ tức | 135.128.219 | 186.120.000 |
| Thu nhập khác | 48.225.673 | 7.933.888 |
| | 183.353.892 | 194.053.888 |

6.8 Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền phạt, chậm nộp | 91.089.948 | 206.391 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ Sản xuất kinh doanh | 2.116.695.970 | 2.187.135.820 |
| | 2.207.785.918 | 2.187.342.211 |

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 27.520.935.527 | 101.227.945.197 |
| Chi phí nhân công | 11.582.764.951 | 16.840.118.616 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.707.387.528 | 16.015.245.569 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.162.149 | 25.872.099 |
| Chi phí khác | 5.191.712.199 | 5.850.076.388 |
| | 58.018.962.354 | 139.959.257.869 |

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

7. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại ngày 30/06/2023 | | | |
| Các khoản vay và nợ | - | - | - |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 21.948.209.832 | 300.000.000 | 22.248.209.832 |
| Chi phí phải trả | 46.040.000 | - | 46.040.000 |
| | 21.994.249.832 | 300.000.000 | 22.294.249.832 |
| Tại ngày 01/07/2022 | | | |
| Các khoản vay và nợ | - | - | - |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 22.137.929.854 | 300.000.000 | 22.437.929.854 |
| Chi phí phải trả | 644.510.001 | - | 644.510.001 |
| | 22.782.439.855 | 300.000.000 | 23.082.439.855 |

Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh tài sản đảm bảo.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2023 và 01/07/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - | - |
| Phải thu khách hàng | 458.014.790 | 1.174.590.169 | 458.014.790 | 1.174.590.169 |
| Phải thu khách hàng là bên liên quan | 797.975.000 | 1.101.812.300 | 797.975.000 | 1.101.812.300 |
| Các khoản phải thu khác | 4.924.217.951 | 10.462.266.541 | 4.924.217.951 | 10.462.266.541 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 78.803.129.786 | 16.232.059.190 | 78.803.129.786 | 16.232.059.190 |
| | 84.983.337.527 | 28.970.728.200 | 84.983.337.527 | 28.970.728.200 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Phải trả các bên liên quan | 280.000.000 | 498.430.000 | 280.000.000 | 498.430.000 |
| Phải trả người bán | 838.380.804 | 1.063.562.022 | 838.380.804 | 1.063.562.022 |
| Phải trả khác | 21.129.829.028 | 20.875.937.832 | 21.129.829.028 | 20.875.937.832 |
| Chi phí phải trả | 46.040.000 | 644.510.001 | 46.040.000 | 644.510.001 |
| | 22.294.249.832 | 23.082.439.855 | 22.294.249.832 | 23.082.439.855 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày cuối năm và ngày đầu năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Lương, thưởng và các khoản phụ cấp | | |
| Ông Trần Vĩnh Chung | 308.662.115 | 279.502.884 |
| Ông Phạm Quang Vinh | 111.563.408 | 112.592.578 |
| Ông Trần Ngọc Hiếu | 135.000.000 | 180.000.000 |
| Thù lao | | |
| Ông Trần Ngọc Hiếu | 157.500.000 | 180.000.000 |
| Ông Trần Vĩnh Chung | 84.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Phạm Quang Vinh | 84.000.000 | 96.000.000 |
| Bà Phạm Thị Mai Loan | 84.000.000 | 96.000.000 |
| Ông Nguyễn Trường Chinh | 52.500.000 | 60.000.000 |
| Bà Phạm Thị Hồng Liễu | 52.500.000 | 60.000.000 |
| | 1.069.725.523 | 1.160.095.462 |

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty là các bên liên quan như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng | | |
| Bán hàng | - | 58.677.700 |
| Lãi chậm trả cổ tức | 135.128.219 | 186.120.000 |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | | |
| Bán thành phẩm | 4.331.932.692 | 11.901.849.763 |
| Mua hàng | 558.558.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

| | 30/06/2023 VND | 01/07/2022 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam | | |
| Phải thu khách hàng | 132.500.000 | 132.500.000 |
| Phải thu khác | 30.515.636.476 | 30.515.636.476 |
| Phải trả người bán | 280.000.000 | 280.000.000 |
| Người mua trả tiền trước | 64.800.000 | 64.800.000 |
| Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng | | |
| Phải thu khác | - | 3.866.112.370 |
| Công ty TNHH Kim Hà Việt | | |
| Phải thu khách hàng | 665.475.000 | 909.755.000 |
| Phải trả người bán | - | 200.200.000 |
| Người mua trả tiền trước | 190.564.745 | 1.286.060.145 |
| Công ty Cổ phần Mía Đường Trà Vinh | | |
| Phải thu khách hàng | - | 59.557.300 |
| Phải thu khác | - | 4.899.375 |

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh sản xuất thực phẩm và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu công bố trong Báo cáo tài chính.

NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng



TRẦN VĨNH CHUNG
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

